

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng T. Địa chỉ: Số A, đường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện ông Phạm Quốc T - chức vụ: Phó Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lưu Mạnh D - Chức vụ: Giám đốc phòng Giao dịch C, Ngân hàng T Chi nhánh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H và bà Nông Thị T. Địa chỉ: Thôn N, xã R, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về nội dung vụ án:** Ông Nguyễn Đức H và bà Nông Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Kạn (Ngân hàng T) thông qua Phòng Giao dịch huyện C số tiền nợ còn lại của hợp đồng tín dụng số 01/2017/10116232/HĐTD ngày 29/08/2017 tính đến ngày 09/10/2019 là **154.334.339 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tư triệu ba trăm ba mươi tư nghìn ba trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó:

+ Nợ gốc: 140.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 11.544.658 đồng

+ Lãi quá hạn: 2.789.681 đồng

Về phương thức thanh toán:

+ Ngày 20/11/2019 thanh toán số tiền 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng);

+ Ngày 20/12/2019 thanh toán số tiền 40.000.000^d (bốn mươi triệu đồng);

+ Ngày 20/01/2020 thanh toán số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng);

+ Ngày 20/02/2020 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Kể từ ngày 10/10/2019, bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Nông Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về quyền phát mại tài sản thế chấp:

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Nông Thị T không thanh toán được nợ theo phương thức và thời hạn thỏa thuận trên, Ngân hàng T được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2017/10116232/HĐBĐ ngày 28/8/2017 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đức H và bà Nông Thị T theo Giấy chứng nhận số: R396516 do UBND huyện Chợ Đồn cấp ngày 15/02/2001, Sổ vào sổ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00002 QSDĐ/Q2-T71 và Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đức H và bà Nông Thị T có Giấy chứng nhận số: AP 505434 do UBND huyện Chợ Đồn cấp ngày 20/5/2009, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: LNH00241/QĐ số 1501/2008/QĐ-UBND. Q2T94.

2. Về án phí: Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án dân sự sơ thẩm là 3.858.358^d (ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn ba trăm năm tám đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền đã nộp tạm ứng án phí 5.238.287^d (năm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06126 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT kèm biên bản hòa giải thành;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THADS;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).